

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh.

Ông Đỗ Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số B, ấp L, xã A, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã L, huyện C, tỉnh Long An).

Chỗ ở hiện nay: Số A, ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã P, huyện C, tỉnh Long An).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số B, ấp L, xã A, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã L, huyện C, tỉnh Long An).

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2007.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2025 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 08/3/2008. Hiện con chung đang sống chung với ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T cư trú tại xã A, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã L, huyện C, tỉnh Long An) nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An) thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà V, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông bà có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, ông T biết rõ yêu cầu ly hôn của bà V nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

[3] Về nuôi con chung: Bà V và ông T có với nhau một người con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 08/3/2008.

Xét, yêu cầu nuôi con chung của bà V là phù hợp với nguyện vọng của con chung, để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 08/3/2008, cho bà Nguyễn Thị Cẩm V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010902 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã A, tỉnh T (trước đây là xã L, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy